

PHÁT HUY LỢI THẾ SO SÁNH ĐỂ HÌNH THÀNH NHIỀU NÔNG SẢN CHỦ LỰC LÀM GIÀU CHO NÔNG DÂN MIỀN NÚI THANH HÓA

Lương Tất Thắng *

Tóm tắt

Thanh Hóa là tỉnh có nhiều tiềm năng về nông nghiệp, thuận lợi cho phát triển một số cây trồng, vật nuôi chủ đạo như: lúa, sắn, cao su, bò, v.v. Tuy nhiên, do thiếu nhiều điều kiện, năng suất của các sản phẩm này vẫn còn thấp. Việc triển khai các biện pháp để nâng cao năng suất của các sản phẩm chủ lực, khai thác tốt tiềm năng sẽ là biện pháp để giúp cải thiện đời sống của người dân vùng miền núi Thanh Hóa. Bài viết sẽ đánh giá thực trạng phát triển nông nghiệp ở vùng miền núi Thanh hóa và đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy tiềm năng của tỉnh.

Từ khóa: tiềm năng phát triển nông nghiệp, nông sản, miền núi, Thanh hóa.

1. Tiềm năng phát triển nông nghiệp vùng núi tỉnh Thanh Hóa

Về địa lý, vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa giáp các tỉnh Sơn La, Hòa Bình, Ninh Bình về phía bắc; giáp tỉnh Nghệ An về phía Nam và Tây nam; giáp tỉnh Hòa Bình của CHDCND Lào về phía Tây và giáp vùng đồng bằng của tỉnh Thanh Hóa về phía Đông.

Năm 2014, vùng miền núi của Thanh Hóa có diện tích tự nhiên khoảng 8517 km² (chiếm khoảng 76,5% so toàn tỉnh) và có số dân không 1 triệu người; gồm 210 xã và 12 thị trấn. Đây là vùng đầu nguồn của các hệ thống sông suối, có ý nghĩa lớn về phòng hộ và sinh tạo nguồn nước. Trên địa bàn vùng miền núi có các quốc lộ chạy qua như đường Hồ Chí Minh, quốc lộ 15a, 45 và 217. Đồng thời, có 192 km đường biên giới với CHDCND Lào; có các cửa khẩu Na Mèo (Quan Sơn), Tén Tằn (Mường Lát) và Khẹo (Thường Xuân) có thể giao lưu thuận tiện với các tỉnh Bắc Lào và đông bắc Thái Lan về phát triển kinh tế, đặc biệt là lĩnh vực nông nghiệp.

Bên cạnh đó, đây là vùng có địa hình phức tạp, chia thành 3 tiểu vùng bị chia cắt mạnh bởi núi

cao và các sông suối, độ dốc khoảng trên 25 độ. Theo đó ở mỗi tiểu vùng có đặc trưng riêng trong phát triển nông nghiệp. Cụ thể:

(i) Vùng núi cao: gồm các huyện Mường Lát, Quan Sơn, Quan Hóa, Bá Thước, Lang Chánh và có địa hình hiểm trở, có đỉnh núi Phù Pha Phong cao tới 1.550 mét so mặt nước biển, có nguồn lâm sản dồi dào, lượng mưa lớn nên có tiềm năng phát triển thủy điện, hỗ trợ phát triển nông nghiệp.

(ii) Vùng núi thấp: gồm các huyện Thạch Thành, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thường Xuân và các xã miền núi của các huyện Thọ Xuân, Vĩnh Lộc, Yên Định, Hà Trung và của Thị xã Bỉm Sơn; có thung lũng nhưng hiểm trở, có tiềm năng phát triển lúa, lạc, cao su, cây ăn quả và chăn nuôi gia súc.

(iii) Vùng trung du phía nam: gồm các huyện Như Xuân, Như Thanh và một số xã của các huyện Triệu Sơn, Tĩnh Gia; đồi núi thấp, đất màu mỡ thuận lợi trong việc phát triển cây công nghiệp, lâm nghiệp, cây đặc sản và có Vườn Quốc gia Bến En (thuộc địa bàn huyện Như Thanh và huyện Như Xuân), có rừng phát triển tốt, với nhiều gỗ quý, thú quý.

Về khí hậu, khu vực miền núi tỉnh Thanh Hóa chia thành hai mùa rõ rệt: mùa hạ từ tháng 4 đến tháng 10 và mùa đông từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau; nhiệt độ trung bình khoảng 22-24°C (vào mùa hạ khoảng 25-28°C và về mùa đông khoảng 15-20°C). Lượng mưa trung bình năm khoảng 1.600-2.200 mm và phân bố không đều trong năm, tập trung lớn về mùa mưa. Chảy qua địa bàn có các con sông Mã (có các phụ lưu là sông Lò, sông Luông, sông Bưởi và sông Chu), sông Yên và sông Chàng đổ về sông Hêu thuộc tỉnh Nghệ An. Với hệ thống sông có lượng nước lớn, tạo điều kiện thuận lợi phát triển nông nghiệp nơi đây.

Người dân vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa đã sử dụng khoảng 78 vạn ha (chiếm khoảng

* Lương Tất Thắng, Thạc sĩ, Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thanh Hóa.

91,5% so diện tích tự nhiên). Trong đó, đất nông nghiệp khoảng 12 vạn ha (chiếm 14,3%); đất lâm nghiệp 58 vạn ha (chiếm 77% diện tích tự nhiên nhưng còn hơn 7 vạn ha chưa có rừng). Trong số diện tích đất rừng thì diện tích rừng đặc dụng khoảng 7,7 vạn ha; phòng hộ khoảng 14,5 vạn ha và rừng sản xuất khoảng 29 vạn ha.

Tài nguyên khoáng sản tuy không lớn, nhưng cũng khá phong phú để phát triển công nghiệp. Trong đó nổi bật là quặng sắt, crom, kẽm, đồng, chì, thiếc, vàng, photphát, cao lanh, đá graphit, quacxit. Tiềm năng lớn nhất vẫn là tài nguyên du

lich: Vườn quốc gia Bến En, Khu bảo tồn thiên nhiên Phù Lương, Pù Hu, suối cá Cẩm Lương, thác Ma Hao, chiến khu Ngọc Trạo, Thành nhà Hồ, Khu Lam kinh...

Tài nguyên đất và rừng có tiềm năng lớn, là tiền đề để phát triển nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, chất lượng cao. Đến năm 2015, vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa còn khoảng 72 nghìn ha đất chưa sử dụng. Tuy không lớn nhưng nếu huy động 50% số này để phát triển sản xuất thì đây cũng là nguồn đáng kể để sử dụng cho các ngành và lĩnh vực trong quá trình phát triển.

Biểu 1: Cơ cấu sử dụng đất của vùng miền núi,

Chỉ tiêu	2010	2014	Biến động
Tổng diện tích tự nhiên	851.663	851.667	+4
1. Đất nông nghiệp	117.635	122.072	+4.437
% so diện tích tự nhiên	13,8	14,3	-
2. Đất lâm nghiệp	531.971	576.768	+44.797
% so diện tích tự nhiên	62,5	67,7	-
3. Đất thủy sản	2.066	3.412	+1.346
% so diện tích tự nhiên	0,24	0,4	-
4. Đất phi nông nghiệp	69.339	76.972	+7.633
% so diện tích tự nhiên	8,1	9,0	-
5. Đất chưa sử dụng	130.517	72.167	-58.350
% so diện tích tự nhiên	15,3	8,6	-
+ Đất bằng chưa sử dụng	6.104	5.269	-835
% so diện tích tự nhiên	0,7	0,6	-
+ Đất đồi núi chưa sử dụng	105.451	52.072	- 53.379
% so diện tích tự nhiên	12,4	6,1	-
+ Đất núi đá không có rừng	18.961	14.826	-4.135
% so diện tích tự nhiên	2,2	1,7	-

Nguồn: Thống kê tỉnh Thanh Hóa 2014

2. Thực trạng phát triển nông nghiệp vùng núi Thanh Hóa

Với tiềm năng, lợi thế như trên, thuận lợi cho Thanh Hóa phát triển một số cây trồng, vật nuôi

chủ đạo như: mía, sắn, cao su, bò... Tuy nhiên năng suất vẫn thấp.

Về trồng trọt, một số cây được trồng chủ yếu là: mía, sắn, cao su... (Bảng 1).

Bảng 1: Một số cây trồng chính tại các huyện miền núi năm 2014

Cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Năng suất sinh học (tạ/ha)	Giá trị tạo ra trên mỗi ha, Tr.đ
+ Cây lúa	67.000	44,6	60	28
+ Cây ngô	29.300	35	45	19
+ Mía	24.000	52	65	31
+ Lạc	3.570	14	25	25
+ Sắn	6.000	11,7	25	23
+ Cao su	10,312	13	18	22

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thanh Hóa

Cây lúa: với diện tích trồng lớn nhất 67.000 ha, cây lúa chiếm vị trí quan trọng trong cơ cấu cây trồng nói chung. Tuy nhiên, việc sản xuất lúa trên các diện tích đất kém hiệu quả do một số nguyên nhân như: đất đai không phù hợp, thiếu nước tưới, ngập úng thường xuyên, nhiễm mặn... đều không mang lại hiệu quả kinh tế, thậm chí là không có lãi.

Cây mía: cây mía hiện đang là cây xóa đói giảm nghèo ở 11 huyện miền núi Thanh Hóa với diện tích 24.000 ha. Đầu ra sản lượng mía của nông dân được 3 nhà máy đường: Lam Sơn, Nông Công, Việt-Đài thu mua chế biến ổn định. Tuy nhiên, hiện nay năng suất mía của miền núi Thanh Hóa chỉ bằng khoảng 70% của Thái Lan. Chi phí cao hơn của Thái Lan khoảng 30%. Chi tính mức tiêu dùng đường khoảng 24 kg/năm (như mức trung bình hiện nay của thế giới), thì thị trường đường mía còn lớn nhưng khó cạnh tranh với nước ngoài nếu chỉ có năng suất và trữ đường như hiện nay. Bên cạnh đó, việc phát triển mía nguyên liệu không theo quy hoạch vẫn diễn ra ở một số huyện; diện tích mía đứng chân trên đất dốc từ 150 trở lên chiếm tới 18,4% tổng diện tích và bình quân mỗi hộ chỉ sở hữu 0,52 ha đất mía nên khó thực hiện cơ giới hóa đồng bộ, nhân rộng vùng tưới nước nhỏ giọt. Thêm nữa, vẫn còn tình trạng nông hộ sử dụng ngọn mía thương phẩm để trồng, tỷ lệ trồng giống mía cũ, giống thoái hóa còn cao; phần lớn diện tích mía không trồng luân canh cây họ đậu làm tăng độ phì cho đất; việc đầu tư giống, vật tư ứng trước, thu mua, vận chuyển nguyên liệu thực hiện qua khâu trung gian nên thu nhập của hộ trồng mía không cao.

Cây sắn: Là loại cây hoa màu vốn được coi là nguồn lương thực bổ sung quan trọng cho người nông dân, đặc biệt đồng bào vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Thời gian qua, cây sắn tương đối ổn định, có xu hướng tăng và đã trở thành cây công nghiệp hàng hoá, góp phần trong việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng CNH - HĐH nông nghiệp, nông thôn tỉnh Thanh Hóa. Bình quân năng suất sắn niên vụ 2014-2015 đạt 21,5 tấn/ha, trừ chi phí người dân chỉ thu lãi từ 7 - 10 triệu đồng/ha. Thu nhập từ cây sắn như vậy là thấp. Nguyên nhân chính là do diện tích trồng sắn phát triển ồ ạt, không theo quy hoạch, dẫn đến nhiều diện tích sắn trồng ở những vùng có độ dốc cao; tập quán canh tác theo hình thức quảng canh, người dân thiếu sự đầu tư chăm sóc, gây suy kiệt dinh dưỡng đất trồng, năng suất thấp. Năng suất sắn của vùng chỉ bằng khoảng 50% của Ấn Độ. Thấp hơn khoảng 16-20% của Campuchia và của Indonesia và 10% của Thái Lan. Việt Nam sản xuất khoảng 10 triệu tấn sắn tươi (trong đó xuất khẩu 70%)

Bên cạnh đó, tài nguyên rừng có khả năng tạo ra sản phẩm mang thương hiệu Thanh Hóa cũng có quy mô lớn. Vùng miền núi có 513,4 nghìn ha đất có rừng, chiếm 60,3% diện tích tự nhiên và 93% diện tích rừng toàn tỉnh, trong đó: 382,9 nghìn ha rừng tự nhiên và 130,5 nghìn ha rừng trồng. Cơ cấu vốn rừng: rừng đặc dụng 77,4 nghìn ha; rừng phòng hộ 147,5 nghìn ha; rừng sản xuất 288,5 nghìn ha. Trữ lượng: tổng trữ lượng cây đứng trên 14 triệu m³ gỗ, hàng năm có thể khai thác được 27.000 - 33.000 m³ gỗ, 30.000 - 40.000 triệu stec củi, 10 triệu cây tre,

luồng và 10 - 15 triệu cây nứa. Theo dự báo tại đây có thể phát triển công nghiệp chế biến giấy carton với công suất khoảng 5 vạn tấn/năm. Với tiềm năng lớn như vậy, nhưng lâm nghiệp miền núi Thanh Hóa mới tạo ra khoảng 6% việc làm cho người lao động và đóng góp khoảng 8% tổng giá trị sản xuất.

Về chăn nuôi, vùng miền núi Thanh Hóa nổi bật lên với việc phát triển các đàn bò sữa, với năng suất sữa bò năm 2014 đạt 12,5 lít/ngày/con. Đây là con số không nhỏ, tuy nhiên khi so sánh với bình quân cả nước và một số vùng miền núi có tiềm năng tương đồng khác của Việt Nam, như: Tuyên Quang, Sơn La, thì

năng suất sữa bò của vùng vẫn còn thấp hơn (Tuyên Quang khoảng 14 lít; Sơn La 15 lít; bình quân cả nước khoảng 13,5 lít). Bên cạnh đó, một số sản phẩm chăn nuôi khác, như: gà lông vàng, thịt lợn sữa có hàng hóa, nhưng khối lượng còn nhỏ và sức cạnh tranh kém so với các địa phương khác như miền núi của Hòa Bình, Nghệ An, Sơn La.

Thậm chí, theo thống kê của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thanh Hóa, số lượng gia súc, gia cầm trên địa bàn các huyện miền núi đang có xu hướng giảm trong những năm gần đây (Bảng 2).

Bảng 2: Số lượng trâu, bò tại các huyện miền núi giai đoạn 2011-2014

ĐVT: con

Năm	Số lượng	
	Trâu	Bò
2011	153.000	70.800
2012	-	65.800
2013	145.500	-
2014	142.184	65.185

Nguồn: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa

Có thể thấy, năng suất nông nghiệp các huyện miền núi Thanh Hóa vẫn còn thấp, giá trị kinh tế của cây trồng, vật nuôi chưa cao. Một trong những nguyên nhân của những khó khăn, hạn chế là địa hình vùng miền núi Thanh Hóa chia cắt phức tạp, kết cấu hạ tầng kỹ thuật vừa thiếu, vừa kém chất lượng. Các công trình cấp điện, giao thông vận tải, thông tin liên lạc đều thiếu và chất lượng cũng thấp. Đường nối kết các vùng sản xuất tập trung với các trung huyết mạch còn kém. Theo quy định, để được công nhận đạt tiêu chí giao thông, địa phương phải đạt 80% số km đường giao thông được bê tông, cứng hóa. Thế nhưng, các xã miền núi phần lớn địa hình là vùng đồi núi, dân cư sinh sống phân tán, không tập trung, việc huy động nhân dân đóng góp xây dựng đường còn hạn chế. Chính vì thế, việc đầu tư xây dựng giao thông ở các xã ở 11 huyện miền núi của Tỉnh gặp rất nhiều khó khăn.

Bên cạnh đó, kinh tế chưa phát triển, đời sống của bộ phận tương đối lớn người dân còn khó

khăn, tỷ lệ người nghèo còn ở mức cao. Theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia, thu nhập của người dân nông thôn giai đoạn 2013-2015 phải đạt bình quân từ 18 triệu đồng/người/năm. Tuy nhiên, qua kiểm tra, đánh giá thu nhập bình quân các xã miền núi thuộc Tỉnh chỉ đạt 13-14 triệu đồng/người/năm.

Ngoài ra, do diện tích đất canh tác của bà con nhân dân ít, chủ yếu là đất đồi rừng, khó sản xuất. Để tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo, nhiều địa phương đã áp dụng khoa học - kỹ thuật đưa các mô hình vào sản xuất, chăn nuôi, nhưng hiệu quả kinh tế vẫn không cao, chỉ đạt từ 10-12 triệu đồng/người/năm.

3. Một số kiến nghị

Thứ nhất, để nâng cao giá trị kinh tế của nông sản ở vùng miền núi tỉnh Thanh Hóa cần phát triển một số chuỗi giá trị và một số tổ hợp sản xuất trên cơ sở gắn nghiên cứu khoa học với sản xuất nông nghiệp và phát triển công nghiệp chế

biến cũng như phát triển hệ thống phân phối nông sản phẩm.

Thứ hai, Tỉnh cần thành lập quỹ phát triển miền núi, bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước địa phương, cần huy động đóng góp của các doanh nghiệp trên địa bàn và huy động từ doanh nhân là người Thanh Hóa sống và làm ăn ở ngoài Tỉnh. Theo đó, Quỹ dùng để khuyến khích những doanh nghiệp làm ra nông sản xuất khẩu (đề xuất: 5% giá trị xuất khẩu; khuyến khích những doanh nghiệp có giá thành cạnh tranh với tỉnh khác là 2% giá thành); Đồng thời, khuyến khích những doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ xã hội (đề xuất: ghi công và thưởng 10 triệu đồng); Khuyến khích những doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao (đề xuất hỗ trợ 10% chi phí ứng dụng).

Thứ ba, Tỉnh cần có kế hoạch phát triển nhân lực cho vùng miền núi phù hợp với quá trình chuyển đổi phương hướng phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phương hướng phát triển nông nghiệp nói riêng của vùng này. Trước mắt, nên hình thành lực lượng chuyển giao công nghệ và lực lượng hướng dẫn quy trình canh tác mới, cũng như nhanh chóng đào tạo nghề phi nông nghiệp cho người dân nơi đây, để chuyển một bộ phận lao động đang làm việc trong khu vực nông nghiệp sang làm phi nông nghiệp, mà trước hết là sang khu vực công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa (2013). Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025.
- Minh Hiếu (2015). Còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi (<http://www.baothanhhoa.vn/vn/xa-hoi/n134651/Con-nhieu-kho-khan,-vuong-mac-trong-xay-dung-nong-thon-moi-o-cac-xa-mien-nui>).
- Thủ tướng chính phủ, Quyết định số 114/2009/QĐ-TTg ngày 28/09/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020.
- UBND tỉnh Thanh Hóa, Quyết định số 1832/QĐ-UBND ngày 03/07/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội miền núi đến năm 2020.
- Thủ tướng chính phủ, Quyết định số 712/QĐ-TTg (21/5/2012) về việc phê duyệt Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến 2020”